TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/2026/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 03 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp A, xã K, tỉnh Cà Mau (nay là ấp D, xã K, tỉnh Cà Mau). Căn cước số 096175013823, cấp ngày 06/02/2025.

- *Bị đơn*: Ông Lữ Thanh N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau). Căn cước công dân số 096070011241, cấp ngày 21/10/2022.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thu T và ông Lữ Thanh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu T và ông Lữ Thanh N thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận kết hôn số: 31/2017 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau).

- Về con chung, gồm: Lữ Trọng Q, sinh năm 1992; Lữ Như T1, sinh năm 1994; Lữ Nhật D, sinh năm 2006 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu T và ông Lữ Thanh N mỗi người phải chịu 75.000 đồng; bà T tự nguyện chịu thay cho ông N, tổng cộng bà T phải chịu 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004779 ngày 20/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau, bà T được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Thuận, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn